

Họ và tên:

Lớp:

BÀI TẬP TOÁN 4 – TUẦN 4 (SỐ 3)

PHIẾU CUỐI TUẦN 4

A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Bảng đơn vị đo khối lượng

Lớn hơn ki-lô-gam			Ki-lô-gam	Bé hơn ki-lô-gam		
tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g
1 tấn = 10 tạ = 1000kg	1 tạ = 10 yến = 100kg	1 yến = 10kg	1kg = 10hg = 1000g	1hg = 10dag = 100g	1dag = 10g	1g

* Mỗi đơn vị đo khối lượng đều gấp 10 lần đơn vị bé hơn, liền nó.

2. Giây, thế kỉ

a) 1 giờ = 60 phút; 1 phút = 60 giây

b) 1 thế kỉ = 100 năm

VD: + Trường Marie Curie – Hà Nội được thành lập vào năm 1992, thuộc thế kỉ XX.

+ Năm 1700 thuộc thế kỉ XVII.

B. BÀI TẬP

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1200\text{kg} = \dots\dots \text{tạ}$$

$$9 \text{ tấn } 79\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$16\text{kg } 31\text{dag} = \dots\dots\dots \text{dag}$$

$$5 \text{ tạ } 5\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$1 \text{ tấn } 3 \text{ tạ } 8\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$9\text{kg } 45\text{dag} = \dots\dots\dots \text{g}$$

$$\frac{1}{3} \text{ ngày} = \dots\dots \text{giờ}$$

$$\frac{1}{4} \text{ phút} = \dots\dots \text{giây}$$

$$3 \text{ phút } 25 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{giây}$$

$$\frac{1}{5} \text{ thế kỉ} = \dots\dots \text{năm}$$

$$8 \text{ thế kỉ } 12 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{năm}$$

Bài 2. $>, <, =$?

$$\text{a) } 76 \text{ 064kg} \dots\dots 76 \text{ tấn } 64 \text{ tạ}$$

$$\text{b) } 1 \text{ thế kỉ } 12 \text{ tháng} \dots\dots\dots 112 \text{ năm}$$

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga nổ ra năm 1917.
Năm đó thuộc thế kỉ
- b) Chu Văn An sinh năm 1292. Năm đó thuộc thế kỉ
- c) Năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa chống lại ách thống trị của nhà Hán. Năm đó thuộc thế kỉ
- d) Đinh Bộ Lĩnh tập hợp nhân dân dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước vào năm 968. Năm đó thuộc thế kỉ

Bài 4. Chọn đáp án đúng:

- a) Tìm số tự nhiên y , biết $y < 8$. Vậy tất cả các giá trị của y là:
A. 7 B. 7; 6; 5; 4; 3; 2; 1 C. 7; 5; 3; 1 D. 7; 6; 5; 4; 3; 2; 1; 0
- b) Tìm số chẵn x , biết: $17 < x < 20$?
A. 18 B. 19 C. 18; 19 D. 17; 18; 19; 20
- c) Tìm số tròn trăm a biết: $877 < a < 901$. Vậy a là:
A. 0 B. 900 C. 880; 890 D. 880; 890; 900
- d) Trong kho có 3 tấn 8 tạ gạo tẻ. Số gạo nếp ít hơn số gạo tẻ 12 tạ. Hỏi trong kho có tất cả bao nhiêu tạ gạo tẻ và gạo nếp ?
A. 38 tạ B. 26 tạ C. 54 tạ D. 64 tạ
- e) Cô My có 2kg đường, cô đã dùng $\frac{1}{4}$ số đường đó để làm bánh. Hỏi cô My còn lại bao nhiêu gam đường ?
A. 1kg 500g B. 1300g C. 1500g D. 1600g
- f) Biết hình chữ nhật có nửa chu vi là 76dm và chiều rộng là 23dm. Chiều dài của hình chữ nhật đó là:
A. 15dm B. 53dm C. 43dm D. 53cm

Bài 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) = 100 000 + 20 000 + 3 000 + 600 + 20

..... = 12 000 000 + 40 000 + 300 + 30 + 9

..... = 400 000 000 + 500 000 + 268

b) **Nhắc lại:** Với dãy số cách đều,

Số các số hạng = (Số lớn nhất – Số bé nhất) : Khoảng cách + 1

+ Dãy số 11; 16; 21; ... ; 221 có tất cả số hạng.

+ Dãy số 2; 9; 16; 23; ...; 751 có tất cả số hạng.

+ Có số lẻ có nhỏ hơn 500.

Bài 6. Chọn đáp án đúng:

a) Chữ số 6 trong số 986 738 thuộc hàng nào ? lớp nào ?

A. Hàng nghìn, lớp nghìn

C. Hàng chục nghìn, lớp nghìn

B. Hàng trăm, lớp nghìn

D. Hàng trăm, lớp đơn vị

b) Cho các số: 10 010 021; 10100 002; 10 000 021; 10 012 000.

Số lớn nhất trong dãy là:

A. 10 010 021

B. 10 100 002

C. 10 000 021

D. 10 012 000

c) Giá trị của chữ số 8 trong số sau: 45 873 246

A. 8 000

B. 80 000

C. 800 000

D. 8 000 000

d) Viết số tự nhiên nhỏ nhất có các chữ số khác nhau và tổng các chữ số bằng 29.

A. 2 999

B. 5 789

C. 4 889

D. 14 78